

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Mã chứng khoán: TYA

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251-3836361-4

Fax: 0251-3836388

Người thực hiện công bố thông tin: Linh Thín Pau

Chức vụ: T.p Quản lý chứng khoán

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24 giờ theo yêu cầu:

Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua nội dung các tờ trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Toàn bộ nội dung Nghị quyết này được đăng tải trên Website của công ty từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 tại www.taya.com.vn mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu vp

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Người CBTT được ủy quyền



LINH THIN PAU

Tài liệu gửi kèm: Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
大亞越南電線電纜股份公司
Mã số Doanh nghiệp: 3600241468
企業號碼：
Địa chỉ: Số 1, đường 1A, KCN BH II, BH-ĐN
地址：同奈邊和工業 II 區 1A 路 1 號
Điện thoại 電話: 0251-3836361-4
Fax 傳真: 0251-3836388

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
越南社會主義共和國
獨立-自由-幸福

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM
大亞越南電線電纜股份公司董事會

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
根據 26/11/2014 第 68/2014/QH13 號企業法；
- Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam;
根據大亞越南電線電纜股份公司活動章程；
- Căn cứ Biên bản họp số: 1-1419/HĐQT-TAYA-VN ngày 01/4 /2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam.
根據大亞越南電線電纜股份公司 / /2019 第 /HĐQT-TAYA-VN 號會議筆錄。

QUYẾT ĐỊNH
決定

(Số 編號: 2-1419 /HĐQT-NQ)

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

通過 2018 年生產經營活動結果

Đơn vị tính: đồng 單位：VND

Doanh thu thuần 營業淨額 : 1.786.352.543.889
Lợi nhuận sau thuế 稅後利潤 : 63.180.675.328

Điều 2. Thông qua chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

通過 2019 年生產經營活動指標

Đơn vị tính: đồng 單位：VND

Chỉ tiêu 指標	Năm 2019 年
Tổng doanh thu 總營業額	1.944.960.347.330
Giá vốn 營業成本	1.778.342.925.379
Lợi nhuận gộp 營業毛利	166.617.421.951
Chi phí quản lý và bán hàng 銷管費用	60.272.513.490
Thu nhập tài chính 財政收入	6.304.500.000
Chi phí tài chính 財政支出	13.474.645.233
Trong đó: lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái 其中，匯率損失	1.012.795.200
Thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh 營業外收入	7.946.800.000



Lợi nhuận trước thuế 稅前淨利	107.121.563.228
Chi phí thuế TNDN 所得稅費用	17.322.771.739
Lợi nhuận sau thuế 稅後淨利	89.798.791.489

(Những số liệu trên được xây dựng trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân năm 2019 ở mức 6.500USD/T và tỷ giá hối đoái là 24.200VND/USD 上述數據係以 2019 年銅板每噸 USD6,500，越盾對美元匯率 24,200 為基準).

Điều 3. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018 .

通過 2018 年利潤分配和支付股息計劃

ĐVT: đồng 單位：VND

Lợi nhuận sau thuế năm 2018(2018 年稅後利潤):63.180.675.328

I. Lợi nhuận năm 2018 phân phối như sau 2018 年利潤分配如下:

➤ Trích lập các quỹ 提撥各項基金

- Quỹ đầu tư phát triển 投資發展基金(10%):.....6.318.067.533

- Quỹ dự phòng tài chính 財政預防基金(5%):.....3.159.033.766

➤ Chi trả thù lao HĐQT và BKS 支付董、監事酬勞後剩餘利潤(3% LNCL sau trích lập các quỹ 提撥各項基金後剩餘利潤的 3%):.....1.611.107.221

II. Chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền 支付 2018 年現金股息:

1. Tỷ lệ chi trả cổ tức 支付比例: 17,7%/mệnh giá 股份面值 (01 cổ phần được chia 1.770 đồng 每一股份獲支付 1,770VND).

2. Tổng số tiền chi trả cổ tức 支付總金額: 54.304.630.140 đồng.

3. Giao Hội đồng quản trị chọn ngày thích hợp thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2018 theo quy định. 交由董事會依法選擇適合時間支付 2018 年現金股息。

III. Lợi nhuận lũy kế còn lại sau khi chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền 支付 2018 年現金股息後 累積剩餘利潤：18.249.183.531 đồng.

Ghi chú: (tại ngày 31/12/2018)

- Tổng cổ phần 30.689.945 tương đương VND306.899.450.000.

- Quỹ đầu tư phát triển và dự phòng tài chính tổng cộng VND55.773.015.249.

- Cổ phiếu quỹ 9.363 cổ phần (VND272.840.000).

註：至 2018.12.31 止，

- 股本共 VND 306,899,450,000，共發行 30,689,945 股份。

- 投資發展基金與預防財政基金共有 VND55,773,015,249。

- 庫藏股共 9,363 股 (VND 272,840,000)。

Điều 4. Thông qua chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và đề xuất năm 2019.

通過支付 2018 年董、監事酬勞並提出 2019 年董、監事預定酬勞

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của công ty khoảng 63,2 tỷ đồng, căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 194/2018/ĐHCHĐ-TAYA-NQ ngày 19/04/2019, Công ty chi trả thù lao năm 2018 cho HĐQT, BKS bằng 3% lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ. Dự định mức thù lao đề xuất cho HĐQT và BKS năm 2019 là 3% lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ.

公司 2018 年稅後利潤約 VND632 億，按 2018 年 4 月 19 日第 194/2018/ĐHCHĐ-TAYA-NQ 號股東大會議決，公司須支付 2018 年酬勞予董、監事會成員為提撥各項基金後剩餘利潤的 3%。

此外，2019 年董、監事酬勞支付比例亦為提撥各項基金後剩餘利潤的 3%。

Điều 5. Thông qua bầu bổ sung một (01) thành viên độc lập Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ: năm 2019-năm 2020).

通過補選一位獨立董事 (任期：2019 年～2020 年)

Điều 6. Thông qua việc ủy quyền.

通過授權事宜

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam ủy quyền ông Wang Ting Shu là thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc của Công ty thay mặt Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết, ký kết các văn bản, hồ sơ có liên quan nhằm hoàn thành tốt tất cả nội dung ghi trong Quyết định này.

大亞越南電線電纜股份公司董事會謹授權公司董事兼總經理王丁樹先生代表董事會辦理各項必要手續，簽署各種相關文件、卷宗，務必圓滿落實本決定載明之所有作業。

Điều 7. Hiệu lực thi hành

施行效力

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

本議決自簽署日起生效。

Nơi nhận:

收件處

- Hội đồng quản trị;
董事會
- Ban kiểm soát;
監事會
- Ông Wang Ting Shu;
王丁樹先生
- Lưu VT.
公司存檔。

Biên Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2019
邊和，2019 年 月 日

T.M. Hội Đồng Quản Trị
代表董事會
Phó Chủ tịch HĐQT
副董事長

